

DANH SÁCH 22 CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP/CẬP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

STT	Họ Và Tên	Giới tính		Ngày tháng năm sinh			Địa chỉ	Số Quyết Định cấp chứng chỉ hành nghề Luật sư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Số Chứng chỉ
		Nam	Nữ	Ngày	Tháng	Năm			
1	Trần Hoàng Phong	x		19	9	2000	Tổ 16, ấp An Hòa, xã Khánh Bình, tỉnh An Giang	6823/QĐ-UBND ngày 15/10/2026	79.2026.1655/TP/LS-CCHN
2	Nguyễn Thanh Tâm	x		25	7	1975	82/4 ấp Long Thành, xã Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh	6823/QĐ-UBND ngày 15/10/2026	79.2026.1656/TP/LS-CCHN
3	Bùi Trí Thức	x		05	10	1992	Số 7, Thôn 6, xã Gia Hiệp, tỉnh Lâm Đồng	6823/QĐ-UBND ngày 15/10/2026	79.2026.1657/TP/LS-CCHN
4	Nguyễn Thị Kiều Oanh		x	13	5	1997	Tổ 3, Phường 2 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	6823/QĐ-UBND ngày 15/10/2026	79.2026.1658/TP/LS-CCHN
5	Dương Thị Hồng Hào		x	08	7	1995	Đội 7 An Lợi, xã Tuy Phước Đông, tỉnh Gia Lai	6823/QĐ-UBND ngày 15/10/2026	79.2026.1659/TP/LS-CCHN
6	Nguyễn Thị Phương Thúy		x	19	5	1986	A811 Chung cư Saigonres 188 Nguyễn Xí, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	6823/QĐ-UBND ngày 15/10/2026	79.2026.1660/TP/LS-CCHN
7	Hoàng Văn Hải	x		26	8	1986	Thôn Bái Đô, xã Đại Xuyên, thành phố Hà Nội	6823/QĐ-UBND ngày 15/10/2026	79.2026.1661/TP/LS-CCHN
8	Huỳnh Thị Kim Chi		x	05	01	1991	Tổ 13, ấp Phú Lợi, xã Phú Lâm, tỉnh An Giang	6823/QĐ-UBND ngày 15/10/2026	79.2026.1662/TP/LS-CCHN
9	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		x	04	4	2000	Tổ 1, Thôn Trà Châu, xã Duy Xuyên, thành phố Đà Nẵng	6823/QĐ-UBND ngày 15/10/2026	79.2026.1663/TP/LS-CCHN
10	Nguyễn Lê Nam Phương		x	17	10	1997	Thôn Thượng Hậu, xã Quảng Ninh, tỉnh Quảng Trị	6823/QĐ-UBND ngày 15/10/2026	79.2026.1664/TP/LS-CCHN
11	Phạm Ngọc Sơn	x		30	6	1996	Thôn Trung Nghĩa 1, phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị	6823/QĐ-UBND ngày 15/10/2026	79.2026.1665/TP/LS-CCHN
12	Lương Thị Trúc Linh		x	01	7	1998	632B/32 Bình Khánh 4, phường Bình Đức, tỉnh An Giang	6823/QĐ-UBND ngày 15/10/2026	79.2026.1666/TP/LS-CCHN
13	Phan Thị Ngọc Yên		x	24	9	1997	Tổ 1, Khu phố Tân Trà 2, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	6823/QĐ-UBND ngày 15/10/2026	79.2026.1667/TP/LS-CCHN
14	Nguyễn Việt Thành	x		19	5	1996	Khu dân cư số 5, đặc khu Côn Đảo, Thành phố Hồ Chí Minh	6823/QĐ-UBND ngày 15/10/2026	79.2026.1668/TP/LS-CCHN
15	Chiêu Mỹ Vy		x	02	7	1993	Số nhà 320D, khu phố Mỹ Tân, phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long	6823/QĐ-UBND ngày 15/10/2026	79.2026.1669/TP/LS-CCHN
16	Nguyễn Thuận	x		16	12	1964	179/18 Bạch Đằng, phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh	7039/QĐ-UBND ngày 21/10/2026	79.2026.1670/TP/LS-CCHN

STT	Họ Và Tên	Giới tính		Ngày tháng năm sinh			Địa chỉ	Số Quyết Định cấp chứng chỉ hành nghề Luật sư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Số Chứng chỉ
		Nam	Nữ	Ngày	Tháng	Năm			
17	Phạm Điền Thanh	x		24	3	1990	Số 2/11 Võ Tấn Đồ, Khu phố An Bình 2, phường Long An, tỉnh Tây Ninh	7027/QĐ-UBND ngày 21/10/2026	79.2026.1671/TP/LS-CCHN
18	Nguyễn Ngô Vĩnh Khang	x		18	9	2001	Ấp Tân Ninh, xã Nhơn Ninh, tỉnh Tây Ninh	7027/QĐ-UBND ngày 21/10/2026	79.2026.1672/TP/LS-CCHN
19	Chu Thị Huyền		x	18	11	1996	Thôn Tân Kỳ, xã Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	7042/QĐ-UBND ngày 21/10/2026	79.2026.1674/TP/LS-CCHN
20	Bùi Thị Tú Trinh		x	14	01	1981	68 Lý Thường Kiệt, phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh	7042/QĐ-UBND ngày 21/10/2026	79.2026.1675/TP/LS-CCHN
21	Phạm Thị Trà My		x	05	8	1999	Thôn Huê Đông, xã Đại Lai, Thành phố Bắc Ninh	7042/QĐ-UBND ngày 21/10/2026	79.2026.1676/TP/LS-CCHN
22	Lê Thị Mỹ Duyên		x	04	12	1995	D1-10 KDC Thường Thạnh, KV Thường Thạnh, phường Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	7042/QĐ-UBND ngày 21/10/2026	79.2026.1677/TP/LS-CCHN